

Số: 0125 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00121.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước Tây Ninh, đường Bờ Lồi, P. Ninh Sơn, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                 | Kết quả                               | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|-------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                             | 6,81                                  | 6,0-8,5         | 17/03/2022       |
| 02    | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ | 17/03/2022       |
| 03    | Vị                      | SMEWW 2160 B                                | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ  | 17/03/2022       |
| 04    | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                           | 0,11 NTU                              | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022       |
| 05    | Clo dư                  | Clo test/ Martini instruments               | 0,78 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022       |
| 06    | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022       |
| 07    | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022       |
| 08    | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |
| 09    | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |

**Ghi chú:** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

**CN. Nguyễn Anh Vũ**



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Tô Thanh Tài**

Số: 0126 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00122.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : số 678 đường 30/4, Phường Ninh Sơn, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh..  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                                  | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,65                                     | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                          | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                           | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,09 NTU                                 | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,65 mg/L                                | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                           | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:**- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



Số: 0127 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00133.33



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : số 159, đường Trần Hưng Đạo, kp 1, phường 1, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                                  | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,83                                     | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                          | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                           | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,13 NTU                                 | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,37 mg/L                                | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                           | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:** - (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**

Số: 0128 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00124.22



VLAT 1.0328

ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Châu Thành, đường Hoàng Lê Kha, KP. 3, TT. Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu          | Phương pháp                                 | Kết quả              | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|-------------------|---------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                | QTTN.HHN.01 (*)                             | 7,07                 | 6,0-8,5         | 17/03/2022       |
| 02    | Mùi               | SMEWW 2150 B                                | Không có mùi lạ      | Không có mùi lạ | 17/03/2022       |
| 03    | Vị                | SMEWW 2160 B                                | Không có vị lạ       | Không có vị lạ  | 17/03/2022       |
| 04    | Độ đục            | SMEWW 2130 B-2017                           | 0,17 NTU             | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022       |
| 05    | Clo dư            | Clo test/ Martini instruments               | 0,39 mg/L            | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022       |
| 06    | Arsen (As) tổng   | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                | < MLOQ = 0,0005 mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022       |
| 07    | Màu sắc           | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU       | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022       |
| 08    | Coliforms tổng số | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml       | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |
| 09    | Escherichia coli  | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml       | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |

**Ghi chú:** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



Số: 0129 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00125.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Bến Cầu, số 1251, đường Nguyễn Trung Trực, KP.1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu          | Phương pháp                                 | Kết quả         | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|-------------------|---------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                | QTTN.HHN.01 (*)                             | 6,95            | 6,0-8,5         | 17/03/2022       |
| 02    | Mùi               | SMEWW 2150 B                                | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 17/03/2022       |
| 03    | Vị                | SMEWW 2160 B                                | Không có vị lạ  | Không có vị lạ  | 17/03/2022       |
| 04    | Độ đục            | SMEWW 2130 B-2017                           | 0,15 NTU        | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022       |
| 05    | Clo dư            | Clo test/ Martini instruments               | 0,59 mg/L       | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022       |
| 06    | Arsen (As) tổng   | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                | 0,0005 mg/L     | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022       |
| 07    | Màu sắc           | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU  | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022       |
| 08    | Coliforms tổng số | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |
| 09    | Escherichia coli  | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |

**Ghi chú:** - (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN**

CN.Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tô Thanh Tài

Số: 0130 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00126.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Cơ sở sửa xe 3 Giỏi, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu          | Phương pháp                                    | Kết quả                 | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------|------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                | QTTN.HHN.01 (*)                                | 7,03                    | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi               | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ         | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ          | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục            | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,10 NTU                | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư            | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,43 mg/L               | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng   | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | < MLOQ = 0,0005<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc           | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU          | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml          | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | Escherichia coli  | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml          | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:-** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



Số: 0131 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00127.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Tiệm sửa xe Ngọc Anh, đường 786, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                 | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 7,05                    | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ         | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ          | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,08 NTU                | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,40 mg/L               | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | < MLOQ = 0,0005<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU          | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml          | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml          | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:** - (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC,  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**

Số: 0132 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00128.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : DNTN Gia Phúc, số 3538, KP. Suối Sâu, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                                  | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 7,11                                     | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                          | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                           | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,07 NTU                                 | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,41 mg/L                                | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                           | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN**

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

CN.Nguyễn Anh Vũ



**Tô Thanh Tài**



Số: 0133 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00129.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : DNTN Kim Long Ngọc, KP. Suối Sâu, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                                  | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 7,17                                     | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                          | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                           | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,11 NTU                                 | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,40 mg/L                                | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                           | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

Ghi chú:- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tô Thanh Tài



Số: 0134 /KO-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00130.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước KCN Trảng Bàng, đường số 7, KCN, KP. Suối Sâu, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 7,05                                  | 6,0-8,5           | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,14 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,51 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 3 CFU/100<br>mL | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 1 CFU/100<br>mL | 18/03/2022          |

**Ghi chú:** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



Số: 0135 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00131.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ gia đình Nguyễn Thanh Hùng, số 96, đường Đặng Văn Trước, KP. Lộc An,  
P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Tiêu chuẩn        | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,74                                  | 6,0-8,5           | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ   | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ    | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,09 NTU                              | ≤ 2,0 NTU         | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,40 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L    | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L       | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU          | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 3 CFU/100<br>mL | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 1 CFU/100<br>mL | 18/03/2022          |

**Ghi chú:** - (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**

ĐC: 628 Đường 30/4, KP1, P3, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Số: 0136 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00132.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : số 24, đường Lãnh Binh Tông, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|-------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,79                                  | 6,0-8,5         | 17/03/2022       |
| 02    | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ | 17/03/2022       |
| 03    | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ  | 17/03/2022       |
| 04    | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,08 NTU                              | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022       |
| 05    | Clo dư                  | Clo test/ Martini instruments                  | 0,41 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022       |
| 06    | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022       |
| 07    | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022       |
| 08    | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |
| 09    | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |

**Ghi chú:-** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC**



Tô Thanh Tài



Số: 0137 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00133.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Giếng Mạch, đường Nguyễn Văn Kiên, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|-------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,80                                  | 6,0-8,5         | 17/03/2022       |
| 02    | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                       | Không có mùi lạ | 17/03/2022       |
| 03    | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                        | Không có vị lạ  | 17/03/2022       |
| 04    | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,16 NTU                              | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022       |
| 05    | Clo dư                  | Clo test/ Martini instruments                  | 0,48 mg/L                             | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022       |
| 06    | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022       |
| 07    | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                       | < MLOQ = 5 TCU                        | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022       |
| 08    | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |
| 09    | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                        | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |

**Ghi chú:** (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

-(1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC**



**TỈNH HỒ CHÍ MINH**

**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**TP. TÂY NINH**

**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**TP. TÂY NINH**

**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**TP. TÂY NINH**

Số: 0138 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00134.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Bệnh viện xuyên Á Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả         | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 7,03            | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ  | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,14 NTU        | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,63 mg/L       | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | 0,0006 mg/L     | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU  | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:** - (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**



Số: 0139 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
Mã số mẫu: 00135.22



VLAT 1.0328  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Quầy thuốc tây Nam Hòa, số 492, quốc lộ 22, ấp Trâm Vàng, xã Thạnh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Số tt | Chỉ tiêu          | Phương pháp                                 | Kết quả         | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm |
|-------|-------------------|---------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|
| 01    | pH                | QTTN.HHN.01 (*)                             | 7,26            | 6,0-8,5         | 17/03/2022       |
| 02    | Mùi               | SMEWW 2150 B                                | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 17/03/2022       |
| 03    | Vị                | SMEWW 2160 B                                | Không có vị lạ  | Không có vị lạ  | 17/03/2022       |
| 04    | Độ đục            | SMEWW 2130 B-2017                           | 0,12 NTU        | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022       |
| 05    | Clo dư            | Clo test/ Martini instruments               | 0,74 mg/L       | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022       |
| 06    | Arsen (As) tổng   | HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)(1)                | 0,0019 mg/L     | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022       |
| 07    | Màu sắc           | SMEWW 2120 C-2017 (a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU  | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022       |
| 08    | Coliforms tổng số | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |
| 09    | Escherichia coli  | TCVN 6187 -1: 2019 (*) (ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022       |

Ghi chú:- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

-(1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-  
TDCN

CN. Nguyễn Anh Vũ

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài

Số: 0140 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00136.22



VLAT 1.0328

ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Số<br>tt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả         | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                      | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,79            | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi                     | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                      | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ  | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục                  | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,09 NTU        | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư                  | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,69 mg/L       | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng         | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | 0,0006 mg/L     | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc                 | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU  | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số       | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml  | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

Ghi chú:- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài



Số: 0141 /KQ-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 00137.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH  
Địa chỉ : SỐ 489, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH  
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi, Đặng Thị Mỹ Liên.  
Địa điểm lấy mẫu : số 62, KP. Long Thời, P. Long Thành Bắc, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Ngày lấy mẫu : 17/03/2022  
Lượng mẫu : 3,0 lít + 250 ml x 2 chai  
Ngày nhận mẫu : 17/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| Số<br>tt | Chỉ tiêu          | Phương pháp                                    | Kết quả                                  | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm<br>nghiệm |
|----------|-------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 01       | pH                | QTTN.HHN.01 (*)                                | 6,99                                     | 6,0-8,5         | 17/03/2022          |
| 02       | Mùi               | SMEWW 2150 B                                   | Không có mùi lạ                          | Không có mùi lạ | 17/03/2022          |
| 03       | Vị                | SMEWW 2160 B                                   | Không có vị lạ                           | Không có vị lạ  | 17/03/2022          |
| 04       | Độ đục            | SMEWW 2130 B-2017                              | 0,07 NTU                                 | ≤ 2,0 NTU       | 18/03/2022          |
| 05       | Clo dư            | Clo test/ Martini<br>instruments               | 0,49 mg/L                                | 0,2 - 1,0 mg/L  | 17/03/2022          |
| 06       | Arsen (As) tổng   | HD.PP.21/TT.AAS: 2021<br>(a)(1)                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0003<br>mg/L | ≤ 0,01 mg/L     | 21/03/2022          |
| 07       | Màu sắc           | SMEWW 2120 C-2017<br>(a)(1)                    | < MLOQ = 5 TCU                           | ≤ 15 TCU        | 21/03/2022          |
| 08       | Coliforms tổng số | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 3 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |
| 09       | Escherichia coli  | TCVN 6187 -1: 2019 (*)<br>(ISO 9308 -1 : 2014) | 0 CFU / 100 ml                           | < 1 CFU/100 mL  | 18/03/2022          |

**Ghi chú:**- (\*), (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

-MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.

-MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-  
TDCN**

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC  
PMO GIÁM ĐỐC**



**Tô Thanh Tài**